

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07-3-2024

“*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà H’Ra Chen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Q, sinh năm 1987 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon R, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Điều P, sinh năm 1985 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon R, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Q trình bày: Chị Thị Q và anh Điều P kết hôn năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nên vợ chồng thường hay cãi vã xúc phạm lẫn nhau, anh Điều P không tôn trọng chị Thị Q, không lo làm ăn và thỉnh thoảng có đánh đập chị Thị Q. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn vợ chồng đã sống ly thân. Chị Thị Q cho rằng tình cảm đối

với anh Điều P không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Thị Q làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với anh Điều P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Điều Việt T, sinh ngày 04/7/2009; Thị Kim Th, sinh ngày 05/01/2014 và Điều Bá L, sinh ngày 22/3/2016. Chị Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Điều P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Điều P trong quá trình giải quyết vụ án: Anh Điều P thừa nhận việc kết hôn với chị Thị Q, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện như chị Thị Q trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung là Điều Việt T, sinh ngày 04/7/2009; Thị Kim Th, sinh ngày 05/01/2014 và Điều Bá L, sinh ngày 22/3/2016, hiện nay các con đều đang sống cùng chị Thị Q.

Anh Điều P hoàn toàn đồng ý với ý kiến của chị Thị Q về mâu thuẫn của vợ chồng. Anh Điều P khẳng định tình cảm vợ chồng với chị Thị Q không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Về việc nuôi con chung, anh Điều P đề nghị Tòa án giải quyết trên cơ sở nguyện vọng của các con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm: Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51,

Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Q, cho chị Thị Q được ly hôn với anh Điều P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Điều Việt T, sinh ngày 04/7/2009; Thị Kim Th, sinh ngày 05/01/2014 và cháu Điều Bá L, sinh ngày 22/3/2016 cho chị Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị Q không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001263 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều P có nơi cư trú tại thôn Bon R, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Thị Q với anh Điều P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 15/10/2008, chị Thị Q và anh Điều P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Q và anh Điều P là hợp pháp.

Xét thấy, cả chị Thị Q và anh Điều P đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị Thị Q khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh Điều P nên yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Điều P cũng đồng ý ly hôn với chị Thị Q. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Thị Q và anh Điều P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Thị Q với anh Điều P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thị Q đề nghị được nuôi dưỡng các con chung là Điều Việt T, sinh ngày 04/7/2009; Thị Kim Th, sinh ngày 05/01/2014 và cháu Điều Bá L, sinh ngày 22/3/2016, đến tuổi trưởng thành. Yêu cầu của chị Thị Q là phù hợp với nguyện vọng của các con chung và quan điểm của anh Điều P. Vì vậy, cần giao các con chung cho chị Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị Q không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Q được ly hôn với anh Điều P.

2. Về con chung: Giao cháu Điều Việt T, sinh ngày 04/7/2009; Thị Kim Th, sinh ngày 05/01/2014 và cháu Điều Bá L, sinh ngày 22/3/2016 cho chị Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Điều P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu anh Điều P lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con là chị Thị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Điều P.

Chị Thị Q, anh Điều P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Thị Q

đã nộp theo biên lai số 0001263 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

